TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 189/2026/QĐST-DS	*Lâm Đồng, ngày 01 tháng 07 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 06 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 542/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Trụ sở: Số H đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Trưởng phòng KHCN và XLN Pháp lý – V2.

Đại diện ủy quyền lại: Ông **Đỗ Thành Trí T1**, ông **Nông Khánh N**, ông **Hoàng Duy L**, ông **Nguyễn Văn Đ** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số E đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2026).

+ *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Diễm L1** và ông **Phạm Phi H**.

Cùng địa chỉ: Số G đường T, Phường C B, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Diễm L1 và ông Phạm Phi H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) số tiền là 10.871.075.210 đồng *(Mười tỷ tám trăm bảy mươi mốt triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm mười đồng*). Trong đó, tiền gốc là 9.546.879.822 đồng *(Chín tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*, tiền lãi tính đến ngày 23/6/2026 gồm tiền lãi trong hạn là 94.660.441 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bốn mươi mốt đồng)*, tiền lãi quá hạn là 1.229.534.947

đồng *(Một tỷ hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày 24/6/2026 cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn phải thi hành án thì phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất thỏa thuận tại các các hợp đồng cho vay hạn mức số: 10315498/HĐTD ngày 20/11/2024, hợp đồng cho vay số: LN2307109682379 ngày 01/08/2023, hợp đồng cho vay số: LN2410083962726 ngày 25/10/2024, hợp đồng cho vay số: LN2403122028699 ngày 19/03/2024. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng trên các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp số: LN2403122028699 ngày 15/03/2024 số công chứng: 00090, Quyển số: 01/2024TP/CC-SCC/HDGD được công chứng tại Văn phòng C; hợp đồng thế chấp số: LN2307249804420 ngày 31/07/2023 số công chứng: 5054, Quyển số: 07/2023TP/CC-SCC/HDGD được công chứng tại Văn phòng C1; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/10/2024 số công chứng 00901, Quyển số : 01/2024TP/CC-SCC/HDGD được công chứng tại Văn phòng C; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 21/10/2024 số công chứng 6086, Quyển số: 10/2024TP/CC-SCC/HDGD được công chứng tại Văn phòng C1; Hợp đồng thế chấp số: LN 2305259257369 ngày 30/05/2023 số công chứng: 3510, Quyển số: 05/2023TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 19/11/2024 số công chứng 6706, Quyển số: 11/2024TP/CC-SCC/HDGD được công chứng tại Văn phòng C1, đối với các tài sản bảo đảm là thửa đất số 444, tờ bản đồ 12, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 343748, địa chỉ: xã Đ, thành phố B (nay là Phường B B), tỉnh Lâm Đồng; thửa đất số 525, tờ bản đồ 12, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 076349, địa chỉ: xã Đ, thành phố B (nay là Phường B B), tỉnh Lâm Đồng; thửa đất số 480, tờ bản đồ 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 363337, địa chỉ: phường L, thành phố B (nay là Phường A B), tỉnh Lâm Đồng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) với bà Nguyễn Thị Diễm L1 và ông Phạm Phi H để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Diễm L1 và ông Phạm Phi H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Các đương sự thỏa thuận bà Nguyễn Thị Diễm L1 và ông Phạm Phi H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 59.435.538 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.124.140 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng) theo biên lai số 0010557 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND KV 4 – Lâm Đồng (1);
- THA. Dân sự tỉnh Lâm Đồng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1).

THẨM PHÁN

Trần Thị Qui